

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-PT
Ngày 18/11/2019
*V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp
nuôi con sau khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhiên

Ông Ong Thân Thắng

-Thư ký phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:53/2019/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐ-PT ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu T, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số 38, phố N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Lương Văn D, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Chị Trương Thị Thu T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 17/6/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trương Thị Thu T trình bày:

Chị và anh D kết hôn năm 2014. Ngày 23/01/2019 Toà án nhân dân huyện T đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 13/2019/QĐST-HNGĐ giữa chị và anh Lương Văn D. Nội dung chị và anh D thỏa thuận: Khi ly hôn, anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 12/12/2014 và Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017, chị và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, chị được quyền thăm nom con chung theo quy định. Sau khi ly hôn, chị thường xuyên về thăm con nhưng anh D đã ngăn cấm không cho chị thăm con, khi biết chị đến thăm con thì anh D liên tục gọi điện, nhắn tin chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Nay chị nhận thấy cháu Lương Hải A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa anh D không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cả 02 con chung. Vì vậy chị yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017.

Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh, thu nhập hàng tháng là 7.400.000đ/tháng. Hiện chị ở tại nhà bố mẹ đẻ là ông Trương Văn H, sinh năm 1946, Trần Thị S, sinh năm 1952. Trong gia đình còn có anh trai chị là Trương Trần H, sinh năm 1975, chưa lấy vợ và vẫn đang ở cùng bố mẹ. Nếu được giao trực tiếp nuôi con thì chị sẽ mua nhà đất đẻ mẹ con chị ở riêng. Chị đảm bảo đủ điều kiện về thời gian và kinh tế đẻ nuôi và giáo dục con phát triển khỏe mạnh, bình thường.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Tại bản tự khai ngày 18/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lương Văn D trình bày:

Anh xác nhận kết hôn với chị Trương Thị Thu T năm 2014. Vợ chồng anh mâu thuẫn nên đã giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T. Khi giải quyết ly hôn anh và chị T thỏa thuận anh trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 12/12/2014 và Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017, anh và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi giải quyết ly hôn thì cả 02 con chung về ở cùng với anh và ông bà nội tại thôn T, xã H. Gia đình anh gồm có bố mẹ đẻ anh là Lương Sỹ Q, sinh năm 1951, Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956. Anh hiện nay đang làm ở Bắc Ninh, anh vẫn đi về trong ngày. Trước khi ly hôn thì chị T không biết con học ở đâu, không biết cô giáo dạy con, không đóng học phí cho con và bỏ mặc cho anh nuôi dưỡng. Kể từ khi ly hôn đến nay chị T về thăm con khoảng 02 tháng 01 lần, chị T chỉ đến chơi với các con mà không chu cấp nuôi con hay mua sắm gì cho con. Hiện nay anh vẫn nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đảm bảo khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Nay chị T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, chị T xin được nuôi dưỡng con chung là Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 thì anh không đồng ý. Lý

do anh không đồng ý với yêu cầu của chị T vì khi giải quyết ly hôn anh và chị T đã thống nhất để anh nuôi dưỡng cả 02 con chung. Từ đó đến nay anh vẫn đảm bảo đủ điều kiện thời gian, kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, các con vẫn phát triển bình thường. Ngoài ra, điều kiện nuôi con của chị T là không đảm bảo, thu nhập thấp, bố mẹ chị T hiện nay đều đã cao tuổi, mẹ đẻ chị T bị bệnh trầm cảm, anh trai bị nghiện ma túy. Điều kiện gia đình chị T như vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến tâm lý, sự phát triển của trẻ em.

Hiện nay anh đang làm Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ bảo vệ H, thu nhập hàng tháng là 30.000.000đ/tháng. Anh không đồng ý với yêu cầu xin nuôi con của chị T. Anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung để các con được gần gũi với nhau. Anh đảm bảo vẫn đủ điều kiện về thời gian, kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, đảm bảo các con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Còn chị T với điều kiện như anh đã trình bày thì không thể đảm bảo nuôi dưỡng, giáo dục tốt cho con được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Trương Thị Thu T là luật sư ông Giáp Văn Đ trình bày và đề nghị:

Hiện nay chị T đang làm công nhân tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh, thu nhập hàng tháng từ 07 triệu đồng/tháng đến 08 triệu đồng/tháng. Hiện chị ở tại nhà bố mẹ đẻ là ông Trương Văn H, Trần Thị S. Chị T đảm bảo đủ điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi và giáo dục con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Nên đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 32/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng Điều 69; Khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 28; khoản 01, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Khoản 01, khoản 3, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 sau khi ly hôn của chị Trương Thị Thu T.

Anh Lương Văn D được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017. Chị Trương Thị Thu T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị Trương Thị Thu T thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, Chị Trương Thị Thu T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0005823 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Trương Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 16/9/2019 chị Trương Thị Thu T kháng cáo bản án, ngày 18/9/2019 chị T nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Chị T kháng cáo toàn bộ bản án. Lý do kháng cáo: Bản án nhận định không khách quan, toàn diện đầy đủ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị. Chị đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Giao con chung cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Trương Thị Thu T không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Trương Thị Thu T trình bày: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Lý do: Bản án sơ thẩm nhận định chị và anh D ly thân từ tháng 9/2018 đến nay lúc đó cháu A mới được 1 tuổi, chị không trực tiếp nuôi dưỡng, quan tâm cháu A. Việc nhận định như vậy không khách quan, một chiều. Chị vẫn là người nuôi cháu A từ khi sinh đến tháng 9/2018, lúc đó anh D bắt con về quê ở xã H, huyện T để gây sức ép cho chị. Do không hiểu biết pháp luật nên khi giải quyết ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh D nuôi. Bản án sơ thẩm nhận định chị không thường xuyên quan tâm, chăm nom, chu cấp nuôi dưỡng con. Cụ thể: không biết trường, lớp con học, không biết cô giáo, không đóng học phí cho con, bỏ mặc anh D nuôi dưỡng là không đúng thực tế. Mỗi lần về thăm con chị đều phải chọn thời gian thích hợp, khi đến thăm đều mua đồ cho con. Khi anh D biết anh D nhắn tin đe dọa, xúc phạm gia đình chị; bản án sơ thẩm nhận định anh D có công việc thu nhập ổn định, chị có thu nhập thấp hơn nhiều so với thu nhập của anh D là không có cơ sở. Công ty của anh D làm ăn thua lỗ. Anh D không có trong danh sách đóng thuế thu nhập. Vì nếu thu nhập 30 triệu đồng/tháng, nếu trừ gia cảnh thì anh D vẫn phải đóng thuế thu nhập. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện. Hiện nay chị làm Công ty cổ phần nước sạch Bắc Ninh thu nhập khoảng 7 triệu đồng/tháng, chị hiện tại ở cùng bố mẹ chị, chị có sổ tiết kiệm trị giá 2,5 tỷ đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T - Chi nhánh Bắc Ninh - Phòng giao dịch T (những tài liệu này chị đã cung cấp cho tòa án tại cấp phúc thẩm). Chị sẽ dùng số tiền này mua nhà riêng nếu được nuôi con. Do vậy, chị đề nghị Tòa xem xét giao cháu Lương Hải A cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lương Văn D trình bày: Anh không đồng ý kháng cáo của chị T, chị T trình bày như vậy là quyền và nghĩa vụ của chị T. Công ty của anh không liên quan đến vụ án này, anh không chấp nhận các chứng cứ chị T nộp tại Tòa. Anh có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con, chị T không quan tâm đến con, bỏ con từ khi cháu A mới được hơn một tuổi, một mình anh nuôi hai con. Gia đình chị T mẹ bị thần kinh, anh trai bị nghiện chị T nuôi con sẽ ảnh hưởng đến các con anh. Chị T không đủ điều kiện nuôi con, thu nhập thấp, không bảo đảm về điều kiện kinh tế cũng như thời gian chăm con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị T. Sửa bản án sơ thẩm. Giao chị T nuôi con chung Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T không phải chịu án án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Chị T và anh D kết hôn năm 2014, vợ chồng có hai con chung là cháu Lương Hoàng L, sinh ngày 12/12/2014 và cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên chị T khởi kiện xin ly hôn anh D tại Tòa án nhân dân huyện T. Ngày 23/01/2019 Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định số 13/2019/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa chị Trương Thị Thu T và anh Lương Văn D. Ly hôn, anh D là người được giao trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Lương Hoàng L, sinh ngày 12/12/2014 và Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017. Do chị T, anh D không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền thăm nom con chung theo quy định. Nay chị T khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Lương Hải A từ anh D sang chị T.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 sau khi ly hôn của chị Trương Thị Thu T. Chị T kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của chị T Hội đồng xét xử thấy:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp lợi ích của con”.

Cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 dưới 36 tháng tuổi. Khi ly hôn chị T và anh D thỏa thuận giao con cho anh D nuôi. Nay, chị T thấy chị có đủ điều kiện để nuôi con chung là cháu Lương Hải A nên chị xin thay đổi là người trực tiếp nuôi con chung từ anh D sang chị. Xét điều kiện nuôi con của anh D và chị T thì thấy. Hiện nay, chị T hiện đang làm Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng tháng, chị sống cùng bố mẹ đẻ

và em trai ở Bắc Ninh, ngoài ra chị còn cung cấp chị hiện nay có tiền gửi tiết kiệm trị giá 2.500.000.000 đồng chẵn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam T-Chi nhánh Bắc Ninh-Phòng giao dịch T. Nếu được nuôi con chị sẽ mua nhà riêng, anh D có thu nhập ở cùng bố mẹ. Như vậy, về điều kiện nuôi con chung của anh D và chị T là như nhau. Tuy nhiên, cháu Lương Hải A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi trước đây do điều kiện nên chị thống nhất để anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì hoàn cảnh khó khăn. Nay chị T có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Hải A nên nguyện vọng của chị T được nuôi con chung là cháu Hải A, sinh ngày 05/5/2017 là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Ngoài ra, Hội liên hiệp phụ nữ Bắc Ninh và Bắc Giang đều có văn bản đề nghị Tòa xem xét bảo vệ quyền lợi phụ nữ và trẻ em.

Từ nhận định, phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình và khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị T. Sửa bản án sơ thẩm. Giao cho chị Trương Thị Thu T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017.

[2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Lương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Trương Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Trương Thị Thu T. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 69; Khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 28; khoản 01, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 sau khi ly hôn của chị Trương Thị Thu T.

Giao con chung là cháu Lương Hải A, sinh ngày 05/5/2017 cho chị Trương Thị Thu T là người trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Lương Văn D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Anh Lương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trương Thị Thu T không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Trương Thị Thu T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0005823 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Thị Thu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả chị T số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005671 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

